TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2018/HS-ST
Ngày: 27- 6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hà.

Ông Lê Văn Sỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Đậu Công Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2018/TLST-HS, ngày 25 tháng 5 năm 2018 đối với:

Bị cáo Trần Thị M, **s**inh ngày 28 tháng 07 năm 1990, tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm Ph, xã Tr, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12 ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị X; có chồng Nguyễn Xuân H và có 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 13/04/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng đối với Trần Thị M về tội "Trộm cắp tài sản"; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2018 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Lê Thị H; sinh năm 1984; nơi cư trú: Khối S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Đào Thị M, sinh năm 1988; nơi cư trú: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Tôn Dũng T, sinh năm 1991; cư trú tại: Khối S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 14/09/2015, Trần Thị M đi đến cửa hàng điện thoại di động Nh ở khối Y, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An do chị Lê Thị H (SN 1984), trú tại: khối S, thị trấn N, tỉnh Nghệ An làm chủ để bán điện thoại của mình lấy tiền tiêu xài. Trong quá trình nói chuyện với anh Tôn Dũng T là thợ sửa chữa điện thoại tại cửa hàng, Trần Thị M quan sát thấy anh T không để ý đến hàng hoá trong cửa hàng nên M nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Trần Thị M đi đến chiếc túi màu đen đựng điện thoại để dưới sàn nhà lấy 02 (hai) chiếc điện thoại di động gồm: 01 chiếc điện thoại di động mang nhãn hiệu SONY XPERIA E2312, vỏ màu trắng và 01 chiếc điện thoại di động mang nhãn hiệu ASUS ZENFONE 2, vỏ màu đen. M bỏ vào túi áo khoác rồi đi về. Khi về đến nhà chị Đào Thị M (SN 1988), trú tại: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An thì Trần Thị M bán chiếc điện thoại mang nhãn hiệu ASUS ZENFONE 2, vỏ màu đen cho chị Đào Thị M với giá 500.000 đồng, sau đó Mai đi ra chợ mua 01 thẻ sim điện thoại và dán màn hình điện thoại hết 100.000 đồng.

Đến 10 giờ 30 phút cùng ngày 14/09/2015, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Trần Thị M đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện N xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra Trần Thị M bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan CSĐT Công an huyện N ra Quyết định truy nã số 01 ngày 22/12/2015. Ngày 16/3/218, Trần Thị M bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại Bản kết luận việc xác định trị giá tài sản số 20 ngày 23/9/2015 của Hội đồng định giá tài sản huyện N, tỉnh Nghệ An đã kết luận: 01 (Một) điện thoại SONY XPERIA E2312, vỏ màu trắng có giá trị: 5.690.000 đồng (Năm triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng); 01 (Một) điện thoại ASUS ZENFONE 2, vỏ màu đen có giá trị: 4.390.000 đồng (Bốn triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản (Hai chiếc điện thoại trên) là: 10.080.000 đồng (Mười triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 25/CT-VKSNĐ ngày 24/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An truy tố Trần Thị M về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm l, p khoản 1, khoản 2, Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Trần Thị M mức án từ 09 đến 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 400.000đ thu giữ của bị cáo Trần Thị M. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị M nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có tranh luận gì.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Xét thấy sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị M đã khai nhận hành vi của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 14/9/2015, tại cửa hàng điện thoại di động Nh ở khối Y, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An do chị Lê Thị H làm chủ, Trần

Thị M đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại gồm: 01 chiếc điện thoại di động mang nhãn hiệu SONY XPERIA E2312, vỏ màu trắng và 01 chiếc điện thoại di động mang nhãn hiệu ASUS ZENFONE 2 vỏ màu đen của chị Lê Thị H. Tại Bản kết luận việc xác định trị giá tài sản số 20 ngày 23/9/2015 của Hội đồng định giá tài sản huyện N, tỉnh Nghệ An đã kết luận: Tổng giá trị tài sản (02 chiếc điện thoại nêu trên) là: 10.080.000 đồng (Mười triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Với hành vi trên của bị cáo Trần Thị M đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bản Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng bản thân mà ngày 14/9/2015 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, sau khi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đang mang thai; bố bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, do đó khi quyết định hình phạt nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo lao động tự do, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lê Thị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu về bồi thường dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị Minh không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy: Quá trình điều tra, thu giữ của bị cáo Trần Thị M 01 chiếc điện thoại di động mang nhãn hiệu SONY XPERIA E2312, vỏ màu trắng và 01 chiếc điện thoại di động mang nhãn hiệu ASUS ZENFONE 2 vỏ màu đen, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Lê Thị H theo đúng

quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền 400.000đ. Đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có, vì vậy cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Trần Thị M 07 (Bảy) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 16/3/2018.

2. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên bố: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). (Số tiền này hiện đang được gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện N, tỉnh Nghệ An theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 14/6/2018).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Thị M phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ
- Chi cục THADS huyện N;
- Công an huyện N;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam Công an Nghệ An;
- UBND xã Tr, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.
- Sở tư pháp Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Mạnh